

UNIT 1:

HOBBIES

SKILLS 1- P1

- divide	(v) : chia, phân ra
- belong to	(v) : thuộc về
- popular	(adj) : p.biến, được nhiều người thích
- insect	(n) : côn trùng
- bug	(n) : con bọ
- patient	(adj): kiên nhẫn
- take on	(v) : nhận thêm
- responsibility	(n) : trách nhiệm
- responsible	(adj) : đáng tin cậy
- wait for	(v) : chờ đợi
- grow	(v) : trồng
- maturity	(n) : sự trưởng thành